

PHỤ LỤC SỐ 04

APPENDIX 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC TP.HCM/
HOCHIMINH CITY ELECTRIC POWER TRADING INVESTMENT
CORPORATION
Năm 2019

I. Thông tin chung/ *General information*

1. Thông tin khái quát/ *General information*

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP Hồ Chí Minh/ Hochiminh City Electric power trading investment Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No*: 0305173790
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 236.081.650.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 70.000.000 đồng
- Địa chỉ/ *Address*: 14A Đường số 85, KP1, P. Tân Quy, Quận 7, TP.HCM
- Số điện thoại/ *Telephone*: 028.2211 7898
- Số fax/ *Fax*: 028. 3553 3585
- Website: <http://tradincorp.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any)*: HTE

Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

Công ty Cổ Phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh, tên giao dịch là Ho Chi Minh City Electric Power Trading Investment Corporation (Viết tắt là HCMPC TRADINGCORP) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007749 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần đầu ngày 20/11/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 20



tháng 11 năm 2019.

Thời điểm niêm yết: ngày 24 tháng 07 năm 2017.

- Các sự kiện khác/*Other events*

Các dự án tiêu biểu:

Dự án ngầm hoá thí điểm lưới điện và dây viễn thông tin đường Trần Hưng Đạo, Quận 1 với tổng mức đầu tư 18,665 tỷ đồng (được TP hỗ trợ lãi vay 70% tổng vốn đầu tư trong vòng 7 năm). Dự án đã hoàn tất đưa vào khai thác sử dụng.

Dự án di dời tuyến cáp ngầm 220KV Nhà bè – Tao đàn tại khu vực công viên 23/09 (được UBND TP giao làm chủ đầu tư).

Dự án di dời lưới điện 500-220-110KV qua khu đô thị hiện đại Nhà bè Metrocity (được UBND TP giao làm chủ đầu tư).

Cao ốc Văn phòng 62 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4. Dự án đã thi công hoàn tất, khánh thành ngày 29/12/2010.

Tòa nhà Văn phòng trụ sở Công ty tại 14A đường 85, phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM. Dự án đã thi công hoàn tất, khánh thành ngày 16/12/2019.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:*

- *Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Ngành nghề kinh doanh chính thức được phê duyệt:

- Tư vấn xây dựng: Dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, tư vấn đấu thầu; Quản lý và lập dự án đầu tư; Thẩm tra thiết kế, lập dự toán và tổng dự toán; Thiết kế hệ thống điện công trình công nghiệp và dân dụng; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng công nghiệp; Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường.
- Xây lắp: Xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện, nhà máy điện; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư; Xây dựng nhà các loại, công trình đường bộ, công trình công ích, công trình công nghiệp; Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí, hệ thống xây dựng, hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng; Vệ sinh nhà cửa và các công trình.
- Kinh doanh vật tư thiết bị điện và viễn thông.
- Đầu tư, hợp tác đầu tư sản xuất vật tư thiết bị điện và các sản phẩm phụ trợ cho ngành điện và hạ tầng kỹ thuật.

- *Địa bàn kinh doanh/Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*): Thành phố Hồ Chí Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

Mô hình quản trị công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát; Hội đồng quản trị; Ban Tổng Giám đốc; Các đơn vị thành viên và các phòng ban chức năng.

Cơ cấu bộ máy quản lý:

Các công ty con, công ty liên kết (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết): Không có.

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company.*
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

5. Các rủi ro/ *Risks*: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./ *Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..*

Báo cáo kết quả kinh doanh

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo	Lũy kế năm
1. Tổng doanh thu	10-BCĐKT	193.118	193.118
- DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		188.280	188.280
- Doanh thu hoạt động tài chính		4.832	4.832
- Thu nhập khác		6	6
2. Tổng chi phí		178.360	178.360
3. Tổng lợi nhuận trước thuế		14.757	14.757
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN		11.750	11.750

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Kế hoạch (ĐHĐCĐ phê duyệt)	Thực hiện (Kỳ báo cáo)	
		Giá trị (tr.đ)	Tỷ lệ TH so với KH (%)
1. Tổng doanh thu	275.000	193.118	70,2%
2. Tổng chi phí	250.000	178.360	71,3%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	25.000	14.757	59,0%
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.000	11.750	55,9%
5. Tỷ lệ cổ tức	≥ 9,00 %	7,00%	77,7%

- Giải trình kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD 2019:

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM đã cố gắng dốc toàn lực để hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận được Đại hội cổ đông giao trong năm 2019.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm 31/12/2019, Công ty chỉ ghi nhận được doanh thu **193 tỷ** (trong tổng số giá trị hợp đồng ký được **310 tỷ**), đạt tỷ lệ 70% so với kế hoạch đề ra. Doanh thu năm 2019 chung toàn Công ty không đạt kế hoạch đề ra chủ yếu do 2 bộ phận Kinh doanh và Xây lắp không đạt doanh thu như dự kiến. Công ty Tradincorp giải trình về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Bộ phận kinh doanh, Xí nghiệp xây lắp không đạt yêu cầu theo kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông giao, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan, cụ thể:

1.1 Bộ phận Kinh doanh:

Doanh thu chủ yếu của BP Kinh doanh Tradincorp những năm trước 2019 và những năm sau đó dựa trên các hợp đồng tủ điện trung thế do Siemen China cung cấp. Tuy nhiên, trong năm 2018 và 2019 xảy ra hiện tượng teng xanh, xì khí trên các tủ điện mà điều này không có tiền lệ trước đây, việc này đã gây nhiều khó khăn sau:

- ✓ Về phía chủ đầu tư: đa số các chủ đầu tư đều thay đổi không mua sản phẩm do Tradincorp cung cấp (sản phẩm chủ lực tạo doanh số chính cho Công ty). Song song đó, chủ đầu tư buộc Tradincorp phải bảo hành số lượng tủ điện đã cung cấp trong những năm qua gây thiệt hại chi phí cũng như nguồn lực của Công ty.
- ✓ Về phía nhà sản xuất Siemen cũng tìm kiếm thêm các nhà cung cấp khác để cạnh tranh với Tradincorp.

a. Nguyên nhân khách quan:

- Bộ phận Kinh doanh kỳ vọng vào công tác triển khai đấu thầu các gói thầu RMU khoảng 300 tỷ của Tổng Công ty Điện lực TP.HCM phát hành từ tháng 8/2019 (thời gian thực hiện hợp đồng 7 tháng), tuy nhiên do nhiều yếu tố ảnh hưởng nên kết quả Tradincorp không trúng thầu.
- Công ty Tradincorp đang giữ thị phần lớn công tác khảo sát thiết kế tại Ban QLDA phân phối, do đó không tham dự thầu cung cấp các trạm ngắt và RMU.

- Các gói thầu lớn cấp điện áp ≥ 110 kV của PCHCM, SPC thường sử dụng vốn vay Jica, WB, ADB,.. theo quy định cơ quan tài trợ vốn Công ty Tradincorp cũng không tham gia được.
- Thời gian vừa qua thực hiện khá nhiều công tác bảo hành các tủ RMU bị teng xanh, do đó ảnh hưởng đến công tác kinh doanh.
- b. Nguyên nhân chủ quan:
 - Bộ máy chưa hiệu quả, nhân sự bố trí chưa phù hợp.
 - Công tác chăm sóc khách hàng chưa được quan tâm đúng mực.
 - Chưa chủ động tìm nhà cung ứng VTTB mới, chưa nghiên cứu một số sản phẩm mới để cung cấp cho Điện lực.
- c. Giải pháp:
 - Tái cấu trúc lại bộ phận, phân công và kiểm soát công việc của từng CB-CNV.
 - Tìm nhân sự mới thay thế đáp ứng được nhu cầu công việc.
 - Công tác chăm sóc khách hàng nâng cao, tạo mối quan hệ tốt với nhà cung cấp trên tinh thần đôi bên cùng có lợi.
 - Chủ động tìm nhà cung cấp VTTB mới, đa dạng và mở rộng thị phần cung cấp.

1.2 Xí nghiệp Xây lắp:

- a. Nguyên nhân khách quan:
 - Công tác triển khai đấu thầu các gói thầu của Ban QLDA phân phối TP.HCM phát hành từ tháng 8/2019 thời gian thực hiện hợp đồng sẽ kịp tiến độ giải ngân quyết toán năm 2019, đến thời điểm báo cáo tổng giá trị đã ký hợp đồng hơn **90** tỷ.
 - Một số dự án mang lại doanh thu lớn (cung cấp VTTB và Xây lắp) do TP.HCM (các Ban ngành) làm chủ đầu tư không triển khai được do chưa bàn giao mặt bằng, như dự án của CII, dự án thoát nước (gói I, K phần điện).
 - Các gói thầu xây lắp dưới 5 tỷ (rất nhiều) không tham gia được (dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa).
 - Các gói thầu xây lắp cấp điện áp ≥ 110 kV của PCHCM, SPC thường sử dụng vốn vay Jica, WB, ADB,.. theo quy định cơ quan tài trợ vốn Công ty Tradincorp cũng không tham gia được.
- b. Nguyên nhân chủ quan:
 - Bộ máy nhân sự còn thiếu, do những tháng đầu năm 2019 chưa ký được hợp đồng nên chưa tuyển nhân sự.
 - Công tác lập hồ sơ, nghiệm thu quyết toán các công trình còn chậm.
- c. Giải pháp:
 - Tìm kiếm nhân sự tuyển dụng đáp ứng khối lượng công việc đã ký hợp đồng.
 - Đẩy nhanh công tác lập hồ sơ nghiệm thu quyết toán các công trình.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

Ông Trần Ngọc Thạch	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu CP Công ty: 246.700 CP
Ông Nguyễn Thanh Quang	Tổng Giám đốc	Sở hữu CP Công ty: 25.323 CP
Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	Sở hữu CP Công ty: 31.990 CP
Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Trưởng Ban TCKT	Sở hữu CP Công ty: 4.840 CP
Ông Trần Kiến Thái	Giám đốc BP Kinh doanh	Sở hữu CP Công ty: 4.991 CP
Ông Đặng Văn Bình	Giám đốc TT Tư vấn	Sở hữu CP Công ty: 4.245 CP
Ông Thiều Quang An	Trưởng Ban QLDA	Sở hữu CP Công ty: 3.630 CP

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc của Bà Dương Thị Dạ Thảo từ ngày 01/04/2019.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tính đến thời điểm 31/12/2019, tổng số CBNV Công ty Tradincorp là 70 người; giảm 4 người so với thời điểm 31/12/2018 là 74 người.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công tác chăm lo đời sống của người lao động:

- Công ty đã tổ chức rà soát và thực hiện việc điều chỉnh tăng thu nhập 10% cho CBNV từ tháng 05/2019. Phần thu nhập tăng thêm và giữ lại chỉ được trả khi bộ phận đạt/vượt kế hoạch đã đăng ký năm 2019.
- Lương CB-NV Công ty được chi trả theo Quy chế tiền lương được xây dựng phù hợp với các qui định về quản lý tiền công, tiền lương và hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Tất cả các đơn vị của Công ty đều được trang bị khá đầy đủ phương tiện làm việc (máy tính, bàn ghế, máy điện thoại ...).
- Đối với các CBNV là lao động trực tiếp, Công ty đã trang bị bảo hộ lao động (mũ nón, ủng giày, áo quần, găng tay, áo mưa,...) đáp ứng điều kiện thi công tại công trường.
- Trong tháng 7/2019, Công đoàn cơ sở kết hợp với chính quyền tổ chức tham quan học tập cho CBNV nhằm tái tạo sức lao động đồng thời tạo điều kiện gắn kết tinh thần tập thể trong Công ty.
- Tổ chức tham quan học tập cho cán bộ nhân viên nữ nhân Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial*

investments and projects investment), the implementation progress of major projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.

STT	ĐTXD năm 2019				
	Kế hoạch		Thực hiện		% Thực hiện so với kế hoạch
	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)	
1	Dự án ngầm hóa đường Lương Định Của	46.068	Thi công hoàn thành khoảng 40% khối lượng công trình	17.220	37%
2	Dự án Trụ sở văn phòng Công ty (14A đường 85, P. Tân Quy, Q7, TP.HCM)	23.962	Hoàn thành đưa vào sử dụng	18.720	78%
3	Dự án công trình 432B/10 đường 85, P. Tân Quy, Q7, TP.HCM	45.000	Thực hiện các thủ tục pháp lý	25.126	55,8%

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ (*Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies*).

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year X - 1	Năm 2019	% tăng giảm/ % <i>change</i>
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions</i> :			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>		331.768.226.205	
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>		188.279.520.499	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>		15.990.776.194	
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>		(1.233.436.791)	

Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>		14.757.239.403	
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>		11.750.211.010	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>		7,00%	
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu/ <i>Revenue</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year X - 1	Năm 2019	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>) + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <u><i>Short term Debt</i></u>		1,94 / 1,72 /	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)		0,29,	

+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)		0,41/	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)		8,05 -	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)		0,56 -	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)		0,062 x	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)		0,049/	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)		0,035/	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)		0,084/	
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bank financial institutions:

Chỉ tiêu/Figures	Năm/Year X-1	Năm/Year X	Ghi chú/Note
1. Quy mô vốn/ Capital scale			
- Vốn điều lệ/ Charter Capital			
- Tổng tài sản có/ Total assets			
- Tỷ lệ an toàn vốn/Capital adequacy ratio			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/			

<i>Operating results</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
- Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
- Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
- Nợ quá hạn/ <i>Outstanding debts</i>			
- Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
- Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (<i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (<i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (<i>Bad debt/Total debt Ratio</i>)			
3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i>			
- Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
- Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: **23.608.165 cổ phần được tự do chuyển nhượng.**

Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign*

markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

Cổ đông lớn sở hữu từ 10.000 cổ phần trở lên: 2.036.786 CP, chiếm 8,62%

Cổ đông nhỏ sở hữu dưới 10.000 cổ phần: 8.946.379 CP, chiếm 37,89%

Cổ đông pháp nhân: 12.625.000 CP, chiếm 53,48%

Cổ đông Nhà nước: 9.790.000 CP, chiếm 41,47%

Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Không có

Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks: **2.199.080** cổ phần

Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties

e) Các chứng khoán khác/ Other securities: **Không có**

nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và

dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

Tính đến thời điểm 31/12/2019, tổng số CBNV Công ty Tradincorp là 70 người; giảm 4 người so với thời điểm 31/12/2018 là 74 người.

Tất cả các CBNV trong công ty đều được ký hợp đồng lao động theo đúng các Điều khoản trong Luật Lao động và có công việc làm ổn định và phù hợp.

Thu nhập bình quân CBCNV: 19,11 triệu đồng/tháng. Trong đó, thu nhập bình quân của Trưởng ban/bộ phận là 38,5 triệu đồng/tháng/người; Phó Trưởng ban/bộ phận là 31,3 triệu đồng/tháng/người.

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Đã hoàn tất việc khám sức khỏe định kỳ năm 2019 cho toàn thể CBNV vào giữa tháng 7/2019. Năm 2019 Công ty đã đăng ký thêm các dịch vụ khám chuyên sâu: xét nghiệm ung thư phổi, viêm gan siêu vi A, viêm gan siêu vi B... Kết quả: đa số CBNV đều đủ sức khỏe làm việc, không có CBNV mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nghề nghiệp.

Duy trì thường xuyên việc chúc mừng sinh nhật, thăm hỏi đồng viên đoàn viên bị đau bệnh. Chính quyền kết hợp với Công đoàn vận động CBNV quyên góp tương trợ viếng thăm chia buồn gia đình CBNV có người thân qua đời.

Thực hiện việc mua bảo hiểm rủi ro cho toàn thể CBNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ *(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management*
(Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/ *the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/ *The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

- Những tiên bộ công ty đã đạt được/ *The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes*

in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).

b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).*

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors:* (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).*

Ông Trần Ngọc Thạch

Chủ tịch HĐQT

Sở hữu CP Công ty: 246.700 CP

Ông Nguyễn Thanh Quang	Thành viên HĐQT	Sở hữu CP Công ty: 25.323 CP
Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên HĐQT	Sở hữu CP Công ty: 31.990 CP
Bà Trương Ngô Sen	Thành viên HĐQT	Sở hữu CP Công ty: Không
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT	Sở hữu CP Công ty: Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

2. Ban Kiểm soát/ *Board of Supervisors*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

Bà Huỳnh Tú Quyên	Trưởng Ban Kiểm soát	Sở hữu CP Công ty: Không
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên HĐQT	Sở hữu CP Công ty: Không
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên HĐQT	Sở hữu CP Công ty: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ *Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy

đủ/Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently).

Ông Trần Ngọc Thạch	Chủ tịch HĐQT	Thu nhập: 40.000.000 đồng/tháng
Ông Nguyễn Thanh Quang	Tổng Giám đốc	Thu nhập: 29.700.000 đồng/tháng
Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	Thu nhập: 29.700.000 đồng/tháng
Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Trưởng Ban TCKT	Thu nhập: 24.200.000 đồng/tháng
Ông Trần Kiến Thái	Giám đốc BP Kinh doanh	Thu nhập: 24.707.000 đồng/tháng
Ông Đặng Văn Bình	Giám đốc TT Tư vấn	Thu nhập: 22.627.000 đồng/tháng
Ông Thiều Quang An	Trưởng Ban QLDA	Thu nhập: 18.150.000 đồng/tháng
Bà Huỳnh Tú Quyên	Trưởng Ban Kiểm soát	Thu nhập: 20.000.000 đồng/tháng
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên BKS	Thù lao: 2.000.000 đồng/tháng
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	Thù lao: 2.000.000 đồng/tháng

Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2019 không đạt kế hoạch đề ra nên cuối năm không có thưởng cho HĐQT và BKS.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM tại ngày 31

tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



CHỦ TỊCH HĐQT
Trần Ngọc Thạch

